



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Khoa Đông máu**
Medical Laboratory: **Department of Blood Coagulation**

Cơ quan chủ quản: **Viện Huyết học – Truyền máu Trung Ương**
Organization: **National Institute of Hematology and Blood Transfusion**

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Field of medical testing: **Hematology**

Người phụ trách/
Representative: **Trần Thị Kiều My**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 126**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày / /2026 đến ngày / /2031

Địa chỉ/ Address: **Số 05 Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, Hà Nội**
No. 05, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Ha Noi

Địa điểm/ Location: **Tầng 2, nhà H, số 05 Phạm Văn Bạch, P. Cầu Giấy, Hà Nội**
Second floor, H Tower No. 05, Pham Van Bach Street, Cau Giay Ward, Ha Noi

Điện thoại/ Tel: **024-37821895 (ext.525)**

Email: **coagnihbvtvn@gmail.com**

Website: **www.vienhuyethoc.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

VILAS Med 126

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: **Hematology**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (Citrat Natri 3.2%) Whole blood (Citrat Natri 3.2%)	Thời gian prothrombin (PT) <i>Prothrombin Time</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.12 (2025) (ACL TOP 750 LAS/CTS)
2.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.13 (2025) (STA-R MAX-Seri CJ07092184, 5149)
3.		Thời gian thromboplastin từng phần hoạt hóa (APTT) <i>Activated Partial Thromboplastin Time</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.14 (2025) (ACL TOP 750 LAS/CTS)
4.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.15 (2025) (STA-R MAX-Seri CJ07092184, 5149)
5.		Định lượng Fibrinogen <i>Fibrinogen Assay</i>	Phát hiện điểm đông hương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.10 (2025) (ACL TOP 750 LAS/CTS)
6.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.11 (2025) (STA-R MAX-Seri CJ07092184, 5149)
7.		Thời gian thrombin (TT) <i>Thrombin Time</i>	Phát hiện điểm đông Phương pháp quang học <i>Photo-optical clot detection method</i>	QT.ĐM.16 (2025) (ACL TOP 750 LAS/CTS)
8.			Phát hiện điểm đông Phương pháp cơ từ <i>Mechanical clot detection method</i>	QT.ĐM.17 (2025) (STA-R MAX-Seri CJ07092184, 5149)

Ghi chú/ Note:

- QT.ĐM: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory Developed Method*
- Trường hợp Khoa Đông máu cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Department of Blood Coagulation that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

